

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 57/2020/HNGĐ-ST
Ngày 30/ 9/2020
*V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia
đình"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - NINH BÌNH

Thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hà Minh Lực.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Lưu Danh Sử.
- Ông Nguyễn Văn Phiếu.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Văn Bình - Thư ký Tòa
án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên
tòa:** Bà Đinh Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 30/9/2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình mở phiên
toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số
174/2020/TLST- HN&GD ngày 14 tháng 7 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp
nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2020/QĐXX-HNGĐ ngày
01/9/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2020/QĐ-HPT ngày 16/9/2020.

Nguyên đơn: Chị Đinh Thị D, sinh năm 1985.

Trú tại: Thôn Đ, xã C, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Bị đơn: Anh Bùi Văn H, sinh năm 1983.

Trú tại: Thôn B, xã V, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Chị D vắng mặt có đơn xin xử vắng mặt. Anh H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 13/8/2020 và đơn xin xử vắng mặt ngày 01/9/2020 chị D trình bày

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị D và anh Bùi Văn H đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện N, tỉnh Ninh Bình vào ngày 07/01/2003 là hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung với nhau tại thôn B, xã V, huyện N. Đến năm 2006 thì chị D mang con về quê ở thôn Đ, xã C ở, từ đó đến nay vợ chồng chị sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Về nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau về nhiều mặt trong cuộc sống, nên vợ chồng thường xuyên đánh chửi nhau. Chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

2. Về con chung: Chị D và anh H có 01 con chung là Bùi Thế A, sinh ngày 25/01/2004 hiện đang ở với chị D, khi ly hôn chị xin nuôi con chung không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

3. Về tài sản chung, về công nợ chung và diện tích canh tác: Chị D xác định không có không yêu cầu Tòa giải quyết.

Đối với anh H: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đã gửi các văn bản tố tụng cho anh theo quy định của Pháp luật, nhưng anh H vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa: Đại diện VKS phát biểu quan điểm về việc tuân theo Pháp luật của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật của các đương sự; Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại các Điều 70,71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn đã không chấp hành quyền và nghĩa vụ theo quy định tại điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt lần 2 tại phiên tòa không có lý do tòa án vẫn tiến hành xét xử là đúng quy định tại các Điều 227, 228 bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối đề nghị như sau, căn cứ: Căn cứ các Điều 5, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về án phí. Đề nghị xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu khởi kiện của chị Đinh Thị D

1. Xử ly hôn giữa chị Đinh Thị D, và anh Bùi Văn H.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Thế A, sinh ngày 25/1/2004 hiện đang ở với chị D tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. chấp nhận đề nghị của chị D, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị D.

3. Về án phí ly hôn: Chị D không phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật, chị là người dân tộc Mường có đơn xin miễn án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung” giữa chị Đinh Thị D và anh Bùi Văn H. Tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

1. Về thủ tục tố tụng: Đối với các đương sự, từ khi thụ lý đơn khởi kiện của chị D. Tòa án nhân dân huyện N đã gửi thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho các đương sự. Đến ngày 01/9/2020 Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh H đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện N vào ngày 07/01/2003 trên cơ sở tự nguyện, hôn nhân của hai người là hợp pháp. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do vợ chồng không hợp nhau về nhiều mặt trong cuộc sống, nên vợ chồng thường xuyên đánh chửi nhau, đến năm 2006 chị mang theo con về quê ở xã C ở từ đó vợ chồng sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau nữa.

Đối với anh H, anh đã biết việc chị D xin ly hôn anh. Trong thời gian giải quyết, anh vẫn cố tình vắng mặt không có lý do. Tòa án cùng đại diện chính quyền địa phương đã xuống gia đình anh tại thôn B, xã V, huyện N, tỉnh Ninh Bình làm việc với anh T. (Anh T là em trai anh H hiện nay đang ở cùng nhà với anh H và mẹ anh H). Anh T xác nhận gia đình đã nhận đầy đủ các văn bản giấy tờ của Tòa án gửi cho anh H, hiện nay anh H đang đi làm thuê ở Thái Nguyên, khoảng 1, 2 tháng mới về nhà một lần, gia đình đã thông báo cho anh H biết, anh H đã biết việc chị D xin ly hôn với anh, nhưng anh xác định do công việc bận nên không về giải quyết việc ly hôn được, anh đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh, anh nhất trí ly hôn và nhất trí giao con chung cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc vì cháu đã ở với chị D từ năm 2006 đến nay, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và công nợ chung. Từ thực tế đời sống chung giữa chị D và anh H từ năm 2006 đến nay vợ chồng chị D, anh H đã sống ly thân và không quan tâm, có trách nhiệm với nhau, cũng không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm. Đã có đủ cơ sở pháp lý để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị D. Xử lý hôn giữa chị D và anh H là phù hợp với thực tế và quy định của Pháp luật để hai người sớm ổn định cuộc sống (áp dụng điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm

2014).

3. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Xét thực tế cháu Bùi Thế A, sinh ngày 25/1/2004 là con chung của chị D, anh H. Thực tế cháu A đã ở với chị D từ năm 2006 đến nay, chị D đã nuôi dưỡng và chăm sóc cháu A phát triển bình thường. Vì vậy cần chấp nhận nguyện vọng của chị D, giao cho chị tiếp tục trực tiếp nuôi cháu Anh cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chấp nhận đề nghị của chị D, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị D.

4. Về tài sản chung và công nợ chung: Chị D xác định chị và anh H không có nên không yêu cầu giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị D thuộc đối tượng chính sách xã hội nằm trong vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên không phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Căn cứ Điều 5, 147, 227, 228, 266, 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/UBTCQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTW Quốc hội quy định về án phí.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Đinh Thị D và anh Bùi Văn H.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao cháu Bùi Thế A, sinh ngày 25/01/2004 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị D.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung, về công nợ chung: Không giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị D không phải nộp.

Án xử công khai sơ thẩm chị D, anh H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- *TAND tỉnh Ninh Bình*
- *VKSND huyện N*
- *THADS huyện N.*
- *UBND xã C.*
- *Đương sự*
- *Lưu/.*

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Hà Minh Lực